

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **60**/2022/NQ-HĐND

Yên Bái, ngày **09** tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số chính sách hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số
trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2022 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI
KHÓA XIX - KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thi đua - Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua - Khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin, an toàn thông tin;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 26/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng;

Thực hiện Nghị quyết số 51-NQ/TU ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Yên Bái khoá XIX về chuyển đổi số tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 114/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2022 - 2025; Báo cáo thẩm tra số 226/BC-HĐND ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thưởng đối với các sở, ban, ngành; các huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Yên Bái được công nhận đạt chuẩn chuyển đổi số hoặc chuyển đổi số nâng cao giai đoạn 2022 - 2025 như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Yên Bái được công nhận đạt chuẩn chuyển đổi số hoặc chuyển đổi số nâng cao giai đoạn 2022 - 2025 theo quy định.

2. Nguyên tắc thưởng

Sở, ban, ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố và các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Yên Bái được cơ quan có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn chuyển đổi số hoặc chuyển đổi số nâng cao giai đoạn 2022 - 2025 chỉ được xét thưởng một lần cho mỗi mức thưởng.

3. Mức thưởng

a) Sở, ban, ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh được cơ quan có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn chuyển đổi số được thưởng 100 triệu đồng/1 đơn vị; công nhận đạt chuẩn chuyển đổi số nâng cao được thưởng 150 triệu đồng/1 đơn vị;

b) Huyện, thị xã và thành phố được cơ quan có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn chuyển đổi số được thưởng 500 triệu đồng/1 đơn vị; công nhận đạt chuẩn chuyển đổi số nâng cao được thưởng 1 tỷ đồng/1 đơn vị;

c) Xã, phường, thị trấn được cơ quan có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn chuyển đổi số được thưởng 100 triệu đồng/1 đơn vị; công nhận đạt chuẩn chuyển đổi số nâng cao được thưởng 150 triệu đồng/1 đơn vị.

4. Sử dụng kinh phí được thưởng

a) Kinh phí thưởng cho các đơn vị được sử dụng để hỗ trợ duy trì và nâng cao năng lực chuyển đổi số của đơn vị bao gồm: đầu tư mua sắm trang thiết bị kỹ thuật; thuê, mua các gói dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, các ứng dụng phần mềm phục vụ chuyển đổi số; hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức, thành viên các tổ chuyển đổi số cộng đồng;

b) Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định việc sử dụng kinh phí thưởng theo các nội dung quy định tại điểm a khoản này.

5. Thời gian thực hiện: Từ năm 2022 đến hết năm 2025.

Điều 2. Quy định chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực chuyển đổi số đối với các Tổ chuyển đổi số cộng đồng tại các thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2023 - 2025 như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Tổ Chuyển đổi số cộng đồng của các thôn, bản, tổ dân phố thuộc các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Yên Bái có đăng ký xã, phường, thị trấn chuyển đổi số, chuyển đổi số nâng cao theo kế hoạch chuyển đổi số hàng năm của cấp có thẩm quyền ban hành.

2. Mức hỗ trợ

Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được hỗ trợ 500 nghìn đồng/01 Tổ/tháng. Thời gian hỗ trợ tối đa là 24 tháng.

3. Sử dụng kinh phí được hỗ trợ

a) Kinh phí hỗ trợ được sử dụng để đầu tư mua sắm trang thiết bị kỹ thuật; thuê, mua các gói dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, các ứng dụng phần mềm phục vụ chuyển đổi số dùng chung cho cả tổ hoặc từng thành viên tổ chuyển đổi số cộng đồng; hỗ trợ kinh phí xăng xe cho các thành viên tổ chuyển đổi số cộng đồng; hỗ trợ các thành viên tổ chuyển đổi số cộng đồng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyển đổi số;

b) Tổ chuyên đổi số cộng đồng thống nhất quyết định việc sử dụng kinh phí được hỗ trợ theo các nội dung quy định tại điểm a khoản này.

4. Thời gian thực hiện: Từ năm 2023 đến hết năm 2025.

Điều 3. Quy định chính sách hỗ trợ công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trong các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh Yên Bái như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc Tỉnh ủy, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; các huyện ủy, thành ủy, thị ủy;

b) Các sở, ban, ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện; Phòng Văn hoá và Thông tin cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã;

c) Trung tâm Điều hành thông minh thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Trung tâm Chuyển đổi số thuộc Sở Thông tin và Truyền thông.

2. Đối tượng áp dụng

a) Công chức có trình độ đại học công nghệ thông tin và các ngành gần đào tạo về công nghệ thông tin trở lên (ngành đào tạo quy định tại các văn bản: Thông tư số 08/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông; Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 26/2020/TT-BLĐT BXH ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) theo vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt được giao nhiệm vụ về chuyển đổi số, công nghệ thông tin, an toàn thông tin tại Sở Thông tin và Truyền thông, Phòng Cơ yếu - Công nghệ thông tin thuộc Văn phòng Tỉnh ủy (trừ công chức được hưởng phụ cấp đặc thù cơ yếu);

b) Công chức có trình độ đại học công nghệ thông tin và các ngành gần đào tạo về công nghệ thông tin trở lên (ngành đào tạo quy định tại các văn bản: Thông tư số 08/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông; Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 26/2020/TT-BLĐT BXH ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) theo vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt được giao nhiệm vụ về chuyển đổi số, công nghệ thông tin, an toàn thông tin tại các cơ quan quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này (trừ công chức được hưởng phụ cấp đặc thù cơ yếu). Mỗi cơ quan có đối tượng quy định tại điểm này được xác định 01 vị trí việc làm cho 01 đối tượng được hưởng chính sách (trừ các cơ quan quy định tại điểm a khoản này);

c) Viên chức có trình độ đại học công nghệ thông tin và các ngành gần đào tạo về công nghệ thông tin trở lên (ngành đào tạo quy định tại các văn bản: Thông tư số 08/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông; Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 26/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) theo vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt được giao nhiệm vụ về chuyển đổi số, công nghệ thông tin, an toàn thông tin tại Trung tâm Điều hành thông minh thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và Trung tâm Chuyển đổi số thuộc Sở Thông tin và Truyền thông.

3. Mức hỗ trợ

a) Công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp huyện quy định tại khoản 2 Điều này có trình độ đại học được hỗ trợ 1,5 triệu đồng/người/tháng; có trình độ thạc sỹ trở lên được hỗ trợ 2,0 triệu đồng/người/tháng;

b) Công chức cấp xã quy định tại điểm b khoản 2 Điều này được hỗ trợ 1,0 triệu đồng/người/tháng.

4. Thời gian hỗ trợ: Từ năm 2023 đến hết năm 2025.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thường và kinh phí hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 5. Khuyến khích các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã sử dụng nguồn kinh phí tăng thu, tiết kiệm chi và huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác để hỗ trợ nâng cao năng lực chuyển đổi số đối với các đối tượng được thụ hưởng chính sách hỗ trợ tại Nghị quyết này, bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái khóa XIX - Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2022./.

Nơi nhận: *tt2*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Thông tin và Truyền thông; Tài chính; Tư pháp; Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Tạ Văn Long

